

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/DS-PT
Ngày 07- 3 -2024
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất
rừng;

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Doanh Thị Mây

Các Thẩm phán: Ông Ngôn Ngọc Viên
Bà Nguyễn Thị Như

- Thư ký phiên toà: Bà Nông Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Chung Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng. Xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2023/TLPT-DS ngày 26 tháng 10 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất rừng*;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 30/2024/QĐ-PT ngày 23 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Các đồng nguyên đơn:

1. Ông Nông Văn N, sinh năm 1986; Có mặt
2. Ông Nông Văn H, sinh năm 1954 (Ủy quyền cho anh Nông Văn T theo giấy ủy quyền ngày 05/3/2024), anh T có mặt
3. Ông Nông Văn B, sinh năm 1963 (Ủy quyền cho bà Lưu Thị N1 theo giấy ủy quyền ngày 05/3/2024), bà N1 có mặt
4. Ông Nông Văn T1, sinh năm 1987; có mặt
5. Bà Nông Thị L, sinh năm 1963; có mặt
6. Bà Nông Thị A, sinh năm 1977; có mặt

Cùng địa chỉ: Xóm B, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nông Văn H, bà Nông Thị L: Ông Nông Văn S - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C. có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nông Văn B: Ông Triệu Bằng G – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C. có mặt

Các bị đơn:

1. Ông Tô Văn Đ, sinh năm 1980, có mặt
2. Ông Tô Văn G1, sinh năm 1966, có mặt
3. Ông Tô Văn T2, sinh năm 1949, có mặt
4. Ông Tô Quang C, sinh năm 1955, có mặt
5. Ông Tô Văn M, sinh năm 1951, có mặt
6. Ông Tô Văn T3, sinh năm 1990, có mặt
7. Ông Tô Văn Q, sinh năm 1977, có mặt
8. Ông Tô Văn K, sinh năm 1970, có mặt
9. Ông Nông Tô L1, sinh năm 1984, có mặt
10. Bà Lý Thị H1, sinh năm 1970, có mặt

Cùng địa chỉ: Xóm B, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt
2. Ông Nông Trọng H2, sinh năm 1952, vắng mặt
3. Ông Nông Văn T4, vắng mặt
4. Ông Nông Văn L2, vắng mặt
5. Ông Nông Văn B1, vắng mặt

Cùng địa chỉ: Xóm B, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng kháng nghị

- Người kháng cáo: Các nguyên đơn Nông Văn N, Nông Thị L, Nông Thị A, Nông Văn B, Nông Văn T1, Nông Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 31/10/2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án, các đồng nguyên đơn Nông Văn N, Nông Văn H, Nông Văn B, Nông Thị L, Nông Thị A, Nông Văn T1 và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cùng thống nhất trình bày: Thửa đất số 123 tờ bản đồ số 1 có diện tích 56.093m², tên theo tiếng gọi địa phương là đồi Luộc Nặm, có địa chỉ ở xóm S (Nay là xóm B Ngay), xã T, huyện H. Thửa đất này đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chia cho 6 hộ gia đình chúng tôi từ năm 2004 để chăn thả gia súc. Từ đó đến năm 2021 chúng tôi vẫn quản lý và chăn thả gia súc bình thường. Các cây ăn quả trên đất này chúng tôi đã thấy từ xưa, ai cũng được ăn quả, không biết số cây ăn quả này của ai. Khi dòng họ T5 đến phát cỏ để trồng cây chúng tôi có làm đơn vào xã và yêu cầu dòng họ T5 tạm dừng trồng cây nhưng họ vẫn tiếp tục trồng. Nay chúng tôi vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện lấy lại thửa đất để làm đất cộng đồng để sử dụng chung.

Các đồng bị đơn cùng thống nhất khai: Từ xa xưa dòng họ T5 tại xóm B Ngay chúng tôi đã quản lý khu đất thuộc đồi Luộc Nặm nay là thửa đất số 123 tờ bản đồ số 1 có diện tích 56.093m², có địa chỉ ở xóm B Ngay, xã T, huyện H. Trên phần diện tích đất này có các cây lâm nghiệp tự nhiên và nhiều loại cây ăn quả như: Vải, nhãn, dâu gia, mận mật, trám các loại... tạo thành vườn rừng cây ăn quả của dòng họ T5 chúng tôi đã quản lý và thu hái hàng năm. Thửa đất trên hiện đang tranh chấp có nguồn gốc là tổ tiên chúng tôi để lại. Quá trình quản lý thì các hộ đều ở xa không quản lý chặt chẽ được. Khi hợp để phát cỏ để trồng cây keo có đi thông báo cho bên nguyên đơn trong đó có bà Nông Thị L nhưng bà không có ý kiến gì. Khi chúng tôi trồng gần hết cây thì mới kiện đòi lại đất để cho vào cộng đồng xóm chúng tôi không nhất trí.

Trong các ngày 01/12/2022 và 10/2/2023 và ngày 07/6/2023, Tòa án tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự nhưng không thành.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nông Văn B1 khai: Thời điểm ông làm Trưởng xóm N, trước khi cấp đất chi bộ và xóm đã bàn bạc và cho thửa đất vào cộng đồng xóm, lúc đi giao có đủ thành phần.

Ngày 10/01/2023, Tòa án thành lập Hội đồng xuống xem xét thẩm định tại chỗ theo đơn của các đồng nguyên đơn, kết quả:

Kiểm tra trên bản đồ lâm nghiệp năm 2004: Thửa đất số 123, tờ bản đồ số 1, diện tích 56.093m² tên theo tiếng địa phương là đồi Luộc Nặm, có địa chỉ xóm S (Nay là xóm B Ngay, xã T, huyện H), kết quả kiểm tra như sau: Thửa đất số 123 tờ bản đồ số 1 diện tích 56.093m² tên theo tiếng địa phương là đồi Luộc Nặm, thuộc bản Nà Tháy (Nay là xóm B Ngay) xã T, huyện H có tứ cận tiếp giáp như sau:

- Phía bắc giáp thửa 112 có diện tích 34.376m²;
- Phía nam giáp thửa 137, có diện tích 13.164m²;
- Phía đông giáp bản Nà Tháy;

- Phía tây giáp xã T.

Kiểm tra trên thực địa:

- Theo nguyên đơn chỉ dẫn phần đất đang tranh chấp chạy bằng máy GPS GARMIN MON TANA 680 được khoảng 39.000m².

- Theo bị đơn chỉ dẫn phần đất đang tranh chấp chạy bằng máy GPS GARMIN MONTANA 680 được khoảng 55.000m².

- Theo sự chỉ dẫn của các bên đương sự phần đất đang tranh chấp có tứ cận tiếp giáp như sau:

- Phía bắc giáp thửa 122, có diện tích 34.376m² của hộ gia đình ông Nông Văn N2, trú tại xóm bản ngay, xã T, huyện H.

- Phía nam giáp thửa 137, có diện tích 13.164m² của hộ gia đình ông Nông Văn D, trú tại xã T, huyện H.

- Phía tây giáp địa phận thị trấn T, huyện H.

- Phía đông giáp đường liên xã thuộc xóm B Ngay, xã T, huyện H.

Hiện trạng trên thửa đất đang tranh chấp có 08 cây nhãn to, 05 cây vải lâu năm, 04 cây trám nhỏ, khoảng 500 cây bạch đàn do bà Nông Thị Lương t và đang quản lý, khoảng 500 cây thông và 24.000 cây keo trồng tháng 01 năm 2022, mỗi cây keo cao khoảng 01 mét, các cây nhãn, vải hàng năm thu hoạch đều do dòng họ Tô quản lý thu hoạch.

Hai bên đương sự nhất trí với kết quả xem xét thẩm định.

Tại biên bản xem xét, thẩm định bổ sung ngày 19 tháng 7 năm 2023 tiến hành đo và xem xét hiện trạng sử dụng đất của bà Nông Thị Lương p diện tích đất nằm trong thửa số 123 tờ bản đồ số 01. Kết quả đo được là 7.953m², hiện trạng đất có nhiều cây bạch đàn lẫn cây thông theo bà L khai gia đình bà trồng từ năm 2000 đến nay đã được 23 năm. Phần đất của bà L đang quản lý, sử dụng có tứ cận tiếp giáp như sau:

- Phía tây có khoảng 0,32 ha thuộc thửa đất 301, lô 3 khoảnh 10, tiểu khu B, tờ bản đồ số 1, chủ quản lý ông Lục Văn T6, địa chỉ L, thị trấn T, huyện H.

- Phía bắc có diện tích 0,02 ha thuộc thửa đất số 295, lô 2 khoảnh 10 tiểu khu B, tờ bản đồ số 01, chủ quản lý ông Lục Văn Q1.

- Phía đông giáp thửa đất số 112, khoảnh 2a, tiểu khu B chủ quản lý ông Nông Văn N2, địa chỉ N- S.

- Phía nam trồng cây keo. Hai bên đương sự nhất trí với kết quả xem xét thẩm định không có ý kiến thắc mắc.

Tại phiên tòa:

- Các đồng nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu dòng họ Tô trả lại diện tích đất rừng đã lấn chiếm 56.093m²; để xóm làm bãi chăn thả gia súc. Xác nhận hiện nay trên đất đang tranh chấp có tài sản gồm: 08 cây nhãn, 05 cây

vải lâu năm, 04 cây trám nhỏ, khoảng 500 cây bạch đàn, khoảng 500 cây thông và 24.000 cây keo trồng tháng 01 năm 2022, mỗi cây cao khoảng 01 mét.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Qua xem xét thẩm định xác định được diện tích đất đang tranh chấp là 56.093 m², diện tích này nằm trong thửa 123 tờ bản đồ số 01; Bị đơn cố ý vi phạm và tự ý cải tạo đất rừng phòng hộ sang đất trồng cây hằng năm. Nay đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 12, 26 Luật Đất đai năm 2013; Các Điều 155, 156, 157, 158 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, buộc các đồng bị đơn trả lại 56.093 m² đất lấn chiếm theo biên bản xem xét thẩm định ngày 10/01/2023 và có đơn xin miễn toàn bộ án phí cho nguyên đơn là bà Nông Thị L và ông Nông Văn H.

- Các đồng bị đơn khai: Bị đơn xác nhận hiện nay trên đất đang tranh chấp có 08 cây nhãn, 05 cây vải lâu năm, 04 cây trám nhỏ, khoảng 500 cây bạch đàn do bà Nông Thị Lương t từ năm 2000, 500 cây thông và 24.000 cây keo mỗi cây cao khoảng 01 mét: Việc quản lý phần đất đang tranh chấp được UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2006 cho cộng đồng xóm, lúc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì không có ai báo cáo và cấp lúc nào thì chúng tôi cũng không được biết, thực tế thì dòng họ Tô chúng tôi vẫn quản lý. Hiện nay, qua xem xét thẩm định có diện tích là 56.093m².

Tại bản án sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng đã:

Áp dụng các Điều 26, Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 32, 42 Luật đất đai năm 2003; Các Điều 12, 166, 170, khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; các Điều 166, 169 Bộ luật Dân sự 2015;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của các nguyên đơn về việc đòi lại đất lấn chiếm, đất rừng nằm trong thửa 123, tờ bản đồ số 1, diện tích 56.093 m².

Bà Nông Thị L được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ số cây bạch đàn, cây thông trên diện tích đất 7.953m² đất có tứ cận tiếp giáp như sau:

- Phía tây có khoảng 0,32 ha thuộc thửa đất 301, lô 3 khoảnh 10, tiểu khu B, tờ bản đồ số 1, chủ quản lý ông Lục Văn T6, địa chỉ L, thị trấn T, huyện H.

- Phía bắc có diện tích 0,02 ha thuộc thửa đất số 295, lô 2 khoảnh 10 tiểu khu B, tờ bản đồ số 01, chủ quản lý ông Lục Văn Q1.

- Phía đông giáp thửa đất số 112, khoảnh 2a, tiểu khu B chủ quản lý ông Nông Văn N2, địa chỉ N- S.

- Phía nam trồng cây keo Phần đất tọa lạc tại đồi L, xóm B, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng, có ranh giới tứ cận theo biên bản xem xét thẩm định ngày 10/01/2023. (có sơ đồ kèm theo).

2. Không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn về việc quản lý, sử dụng đối với toàn bộ diện tích đất rừng phòng hộ là 56.093m². Toàn bộ cây cối thuộc quyền quản lý, sử dụng của dòng họ Tô (gồm 10 hộ) trên diện tích đất 48.140m². phần đất này có tứ cận như sau:

- Phía bắc giáp thửa 112 có diện tích 34.376m²;
- Phía nam giáp thửa 137, có diện tích 13.164m²;
- Phía đông giáp bản Nà Tháy;
- Phía tây giáp xã T.

(có sơ đồ kèm theo)

Buộc nguyên đơn không được cản trở xâm phạm quyền sử dụng đất của bị đơn.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện H điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG502668 ngày 24 tháng 10 năm 2006.

3. Về án phí và chi phí tố tụng: Áp dụng các Điều 12, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14; các Điều 147, 155, 156, 157, 158 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Về Án phí: Các đồng nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ; Xác nhận nguyên đơn đã nộp đủ 300.000đ tại cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Hạ Lang. Các đồng bị đơn phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm để xung công quỹ nhà nước. Đối với bà Nông Thị L và ông Nông Văn H có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

- Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn và các đồng bị đơn mỗi bên phải chịu 2.000.000đ, xác nhận nguyên đơn đã nộp đủ, nay buộc bị đơn phải liên đới hoàn trả cho các đồng nguyên đơn Nông Văn N, Nông Văn H, Nông Văn B, Nông Văn T1, Nông Thị L, Nông Thị A số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng). Cụ thể mỗi người phải chịu như sau: Tô Văn Đăng 200.000đ, Tô Văn G1 200.000đ, Tô Văn T2 200.000đ, Tô Quang C 200.000đ, Tô Văn M 200.000đ, Tô Văn T3 200.000đ, Tô Văn Q 200.000đ, Tô Văn K 200.000đ, Nông Tô L1 200.000đ, Lý Thị H1 200.000đ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03 tháng 8 năm 2023 các nguyên đơn bà Nông Thị L, anh Nông Văn N, bà Nông Thị A, ông Nông Văn B, anh Nông Văn T1, ông Nông Văn H có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 25/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng. Đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết những vấn đề sau:

- Công nhận phần đất còn lại nằm trong thửa số 123, tờ bản đồ số 01 diện tích khoảng 48.138m² cho cộng đồng xóm N, S quản lý, sử dụng chung.

- Buộc các ông Tô Văn Đ, Tô Văn G1, Tô Văn T2, Tô Quang C, Tô Văn M, Lý Thị H1, Tô Văn T3, Tô Văn Q, Tô Văn K, Nông Tô L1 trả lại quyền sử dụng đất thửa đất rừng phòng hộ thửa số 123, tờ bản đồ số 01, diện tích 56.093m² cho cộng đồng xóm N, Sa Tao với thành viên 20 hộ để quản lý, sử dụng chung.

- Buộc các ông Tô Văn Đ, Tô Văn G1, Tô Văn T2, Tô Quang C, Tô Văn M, Lý Thị H1, Tô Văn T3, Tô Văn Q, Tô Văn K, Nông Tô L1 chấm dứt hành vi xâm phạm quyền sử dụng đất chung của cộng đồng xóm N, S.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023 Tòa án nhận được quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng kháng nghị toàn bộ Bản án số 11/2023/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm theo hướng hủy bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Có căn cứ để khẳng định giấy chứng nhận QSDĐ cấp cho cộng đồng xóm N là đúng trình tự thủ tục. Quá trình giải quyết vụ án TAND huyện Hạ Lang chưa xem xét, đánh giá chứng cứ đầy đủ dẫn đến việc giải quyết vụ án chưa khách quan, ảnh hưởng đến quyền lợi và nghĩa vụ của các nguyên đơn. Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn. Hủy bản án sơ thẩm 11/2023/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng để giải quyết lại vụ án.

Các bị đơn có ý kiến: Nhất trí với bản án sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng. Không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm: Tại phiên tòa phúc thẩm Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Giữ nguyên nội dung kháng nghị số 1966/QĐ-VKS-DS ngày 25/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm 11/2023/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng để giải quyết lại vụ án theo đúng quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và xác định quan hệ tranh chấp: Các nguyên đơn Nông Văn N, Nông Văn H, Nông Văn B, Nông Văn T1, Nông Thị L, Nông Thị A khởi kiện các bị đơn ông Tô Văn Đ, Tô Văn G1, Tô Văn T2, Tô Quang C, Tô Văn M, Lý Thị H1, Tô Văn T3, Tô Văn Q, Tô Văn K, Nông Tô L1 tranh chấp quyền sử dụng đất rừng, diện tích đất có tranh chấp có địa chỉ tại xóm B, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Theo quy định tại khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Cao Bằng thụ lý đơn, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang xác định được diện tích đất tranh chấp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cộng đồng bản Nà Tháy, mặc dù bị đơn không có yêu cầu phản tố hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng: Tại mục 1 Phần I của Công văn số 02/GĐ-TANDTC ngày 19-9-2016 của Tòa án nhân dân tối cao về giải đáp nghiệp vụ đã hướng dẫn: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là quyết định hành chính cá biệt.

- Khoản 1 và khoản 2 Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định:

“1. Khi giải quyết vụ việc dân sự, Tòa án có quyền hủy quyết định cá biệt trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ việc dân sự mà Tòa án có nhiệm vụ giải quyết.

2. Quyết định cá biệt quy định tại khoản 1 Điều này là quyết định đã được ban hành về một vấn đề cụ thể và được áp dụng một lần đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể. Trường hợp vụ việc dân sự có liên quan đến quyết định này thì phải được Tòa án xem xét trong cùng một vụ việc dân sự đó”.

- Khoản 4 Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về thẩm quyền của Tòa án đối với quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức như sau: *“Thẩm quyền của cấp Tòa án giải quyết vụ việc dân sự trong trường hợp có xem xét việc hủy quyết định cá biệt quy định tại khoản 1 Điều này được xác định theo quy định tương ứng của Luật tố tụng hành chính về thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện, Tòa án nhân dân cấp tỉnh”.*

- Khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính quy định: “Tòa án nhân dân cấp tỉnh giải quyết theo thủ tục sơ thẩm khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trên cùng phạm vi địa giới hành chính với Tòa án”

Pháp luật chỉ quy định thẩm quyền của Tòa án là hủy quyết định cá biệt hoặc bác yêu cầu khởi kiện của đương sự mà không quy định Tòa án có thẩm quyền đề nghị cơ quan hành chính nhà nước điều chỉnh quyết định hoặc thu hồi quyết định. Trong vụ án này ban đầu Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang thụ lý đơn, giải quyết vụ án với quan hệ tranh chấp “Tranh chấp quyền sử dụng đất rừng” là đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và đúng thẩm quyền, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án nhận thấy việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cộng đồng bản Nà Tháy là không đúng và cần thiết phải xem xét việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh và phải chuyển hồ sơ lên Tòa án nhân dân cấp tỉnh để giải quyết. Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang tuyên xử: “*Không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn về việc quản lý, sử dụng đối với toàn bộ diện tích đất rừng phòng hộ là 56.093m². Toàn bộ cây cối thuộc quyền quản lý, sử dụng của dòng họ Tô (gồm 10 hộ) trên diện tích đất 48.140m². phần đất này có tứ cận như sau:*

- *Phía bắc giáp thửa 112 có diện tích 34.376m²;*
- *Phía nam giáp thửa 137, có diện tích 13.164m²;*
- *Phía đông giáp bản Nà Tháy;*
- *Phía tây giáp xã T.*

(có sơ đồ kèm theo)

Buộc nguyên đơn không được cản trở xâm phạm quyền sử dụng đất của bị đơn.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện H điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG502668 ngày 24 tháng 10 năm 2006” là không đúng thẩm quyền, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, do vậy cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 25/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang để Tòa án nhân dân cấp tỉnh thụ lý, giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Ngoài ra theo quy định tại Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự khi giải quyết tranh chấp về quyền sử dụng đất mà trong đó có việc cơ quan nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với diện tích đất đang tranh chấp không đúng, gây thiệt hại đến quyền lợi của đương sự thì Tòa án phải xem xét giải quyết việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đó trong vụ án dân sự và đưa cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng:

Thứ nhất, kháng nghị vi phạm về cách tính án phí: Bản án số 11/2023/DS-ST ngày 25/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang tuyên chấp nhận một phần yêu cầu của các nguyên đơn về việc đòi lại đất lấn chiếm, đất rừng nằm trong thửa 123, tờ bản đồ số 1, diện tích 56.093m² nhưng buộc các đồng nguyên đơn và bị đơn đều phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng là vi phạm khoản 4 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. HĐXX xét thấy: Tại Khoản 4, Điều 26 và điểm a, khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án có quy định:

"Điều 26. Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm

1. ...

4. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận".

"Điều 27. Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm trong một số loại việc cụ thể

2. Đối với tranh chấp về quyền sở hữu tài sản và tranh chấp về quyền sử dụng đất thì nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm được xác định như sau:

a) Trường hợp tranh chấp về quyền sở hữu tài sản và tranh chấp về quyền sử dụng đất mà Tòa án không xem xét giá trị, chỉ xem xét quyền sở hữu tài sản và tranh chấp về quyền sử dụng đất của ai thì đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án không có giá ngạch".

Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang tuyên chấp nhận một phần yêu cầu của các nguyên đơn về việc đòi lại đất lấn chiếm, đất rừng nằm trong thửa 123, tờ bản đồ số 1, diện tích 56.093m² nhưng buộc các đồng nguyên đơn và bị đơn đều phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng là không đúng, cần xác định lại nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm là nguyên đơn và bị đơn mỗi bên phải chịu 150.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Do vậy, kháng nghị của Viện kiểm sát có căn cứ chấp nhận.

Thứ hai, kháng nghị Tòa án tuyên không rõ ràng về ranh giới: Tại mục 1 phần quyết định của Bản án, phần phía Tây, phía Bắc, phía Nam Tòa án không

tuyên tiếp giáp với thửa nào, do ai quản lý là không rõ ràng, gây khó khăn cho việc thi hành án. Vi phạm khoản 1 Điều 175 Bộ luật dân sự năm 2015.

HĐXX xét thấy: Bản án sơ thẩm tuyên “*Chấp nhận một phần yêu cầu của các nguyên đơn về việc đòi lại đất lấn chiếm, đất rừng nằm trong thửa 123, tờ bản đồ số 1, diện tích 56.093 m².*

-Bà Nông Thị L được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ số cây bạch đàn, cây thông trên diện tích đất 7.953m² đất có tứ cận tiếp giáp như sau:

-Phía tây có khoảng 0,32 ha thuộc thửa đất 301, lô 3 khoảnh 10, tiểu khu B, tờ bản đồ số 1, chủ quản lý ông Lục Văn T6, địa chỉ L, thị trấn T, huyện H.

-Phía bắc có diện tích 0,02 ha thuộc thửa đất số 295, lô 2 khoảnh 10 tiểu khu B, tờ bản đồ số 01, chủ quản lý ông Lục Văn Q1.

Phía đông giáp thửa đất số 112, khoảnh 2a, tiểu khu B chủ quản lý ông Nông Văn N2, địa chỉ N- S.

-Phía nam trồng cây keo Phần đất tọa lạc tại đồi L, xóm B, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng, có ranh giới tứ cận theo biên bản xem xét thẩm định ngày 10/01/2023. (có sơ đồ kèm theo)”.

Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang đã tuyên tứ cận diện tích đất 7.953m² đất cho nguyên đơn Bà Nông Thị L được quyền quản lý, sử dụng có một phần vượt ra ngoài thửa đất 123, tờ bản đồ số 1, diện tích 56.093m² và nằm trong các thửa đất giáp ranh của các chủ quản lý khác “Phía tây có khoảng 0,32 ha thuộc thửa đất 301, lô 3 khoảnh 10, tiểu khu B, tờ bản đồ số 1, chủ quản lý ông Lục Văn T6, địa chỉ L, thị trấn T, huyện H”; “Phía bắc có diện tích 0,02 ha thuộc thửa đất số 295, lô 2 khoảnh 10 tiểu khu B, tờ bản đồ số 01, chủ quản lý ông Lục Văn Q1”.

Cấp sơ thẩm tuyên như vậy đã vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ảnh hưởng đến quyền lợi của các hộ gia đình có đất giáp ranh mà không đưa họ vào tham gia tố tụng.

Thứ ba, Kháng nghị cho rằng Tòa án chưa thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án. Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 10 tháng 01 năm 2023, các cây của hộ gia đình ông Nông Văn T1 có khoảng 100 cây thông nằm trong phần đất đang tranh chấp, trồng năm 2000 do ông Nông Văn D trồng, nhưng không làm rõ 100 cây thông trồng trên diện tích bao nhiêu, ranh giới như thế nào là thiếu sót.

Tại Công văn số 871/UBND-TNMT ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện H về việc cung cấp thông tin liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nêu:

"4. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 123, tờ bản đồ số 01-Lâm nghiệp có diện tích 56.093m², tên theo tiếng địa phương là đồi Luộc Nặm, có địa chỉ ở xóm N (nay là xóm B Ngay), xã T, huyện

H, tỉnh Cao Bằng được cấp đúng theo quy định của pháp luật. Các giấy tờ kèm theo khi cấp GCNQSD đất:

- Quyết định số 3277/QĐ-UBND, ngày 19/12/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh C về việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán thành lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1/10.000 và hồ sơ địa chính khu vực lâm nghiệp, đất đồi núi chưa sử dụng từ tư liệu bản đồ địa chính bằng không ảnh để khai thác quỹ đất, phát triển sản xuất và ổn định dân cư thuộc 4 tỉnh miền núi đặc biệt khó khăn là Hà Giang, Bắc Kạn, Cao Bằng, Lào Cai)."

Tòa án chưa thu thập Quyết định số 3277/QĐ-UBND ngày 19/12/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh C nhưng đã nhận định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sử dụng đất chưa đúng trình tự, thủ tục là không có căn cứ.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 052668 cấp ngày 24 tháng 10 năm 2006 đối với thửa số 123, tờ bản đồ số 1, diện tích 56.093m², địa chỉ: Bản N, xã V, huyện H, tỉnh Cao Bằng do Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Cao Bằng cấp cho Cộng đồng bản Nà Tháy, mục đích sử dụng "đất rừng phòng hộ". Nhưng Sơ đồ tranh chấp đất đai ngày 15/01/2023 do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H cung cấp, thửa số 123, tờ bản đồ địa chính 01-LN, địa chỉ: núi S - Bản N, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng, mục đích sử dụng "RPK" theo quy định tại phụ lục 01 Thông tư số 55/2013/TT-BTNMT ngày 30/12/2013 của Bộ T7 quy định về thành lập bản đồ địa chính là đất khoanh nuôi phục hồi rừng phòng hộ. Tòa án chưa làm rõ sự thay đổi hiện trạng thửa đất là thiếu sót.

Thứ tư, Viện kiểm sát kháng nghị hộ gia đình ông Nông Văn N2, Nông Văn D có đất giáp ranh, có cây trồng trên đất tranh chấp nhưng Tòa án không đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót, vi phạm khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

HĐXX xét thấy: Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 10/01/2023, phân kết quả xác minh, thẩm định trên thực địa có tứ cận tiếp giáp như sau:

"- Phía Bắc giáp thửa 122, có diện tích 34.376m² của hộ ông Nông Văn N2, trú tại xóm B Ngay, xã T, huyện H.

- Phía Nam giáp thửa 137, có diện tích 13.164m² của hộ gia đình ông Nông Văn D, trú tại xóm B Ngay, xã T, huyện H."

Phản ý kiến của các đương sự: "Các cây của hộ gia đình ông Nông Văn T1 có khoảng 100 cây thông nằm trong phần đất tranh chấp, trồng năm 2000 do ông Nông Văn D trồng."

Thứ năm, Viện kiểm sát kháng nghị tòa án cấp sơ thẩm giải quyết không đúng thẩm quyền.

Như đã phân tích và nhận định ở trên. Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng là có căn cứ và được chấp nhận.

Hội đồng xét xử xét thấy, thiếu sót của tòa án cấp sơ thẩm không thể khắc phục được, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án. Do vậy cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 25/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng để Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng thụ lý, giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền.

[3] Xét kháng cáo của các nguyên đơn bà Nông Thị L, anh Nông Văn N, bà Nông Thị A, ông Nông Văn B, anh Nông Văn T1, ông Nông Văn H có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 25/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.

HĐXX xét thấy: Sau khi xem xét toàn bộ bản án sơ thẩm thấy rằng thiếu sót của tòa án cấp sơ thẩm không thể khắc phục được, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án. Do vậy cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 10/2023/DS-ST ngày 25/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng để Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng thụ lý, giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng: Sẽ được Tòa án giải quyết khi thụ lý và giải quyết lại vụ án.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm do vậy các nguyên đơn kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 25/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng để Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng thụ lý, giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Các nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả lại cho các nguyên đơn Nông Văn N, Nông Thị A, Nông Văn B, Nông Văn T1, Nông Văn H số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002321 ngày 03 tháng 8 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn Nông Thị L số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002322 ngày 03 tháng 8 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh CB;
- Chi cục THADS huyện HL;
- TAND huyện Hạ Lang;
- Các đương sự;
- Tổ HCTP;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Doanh Thị Mây